

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHĂM SÓC- GIÁO DỤC TRẺ
KHỐI MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI
NĂM HỌC 2025- 2026

Phụ lục 1

KHUNG KẾ HOẠCH THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
ĐỘ TUỔI 4 – 5 TUỔI

Kèm theo Kế hoạch số 88/KH-TrMN ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Trường Mầm non Diễn Xuân.)

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian	Tuần
		Ổn định nề nếp, cho trẻ làm quen trường lớp	8/9 – 12/9	
1	Bé đến Trường Mầm non (4 tuần)	-Trường mầm non của bé	15/9 – 19/9	Tuần 1
		- Cô giáo và các bạn	22/9 – 26/9	Tuần 2
		- Bé vui tết trung thu	29/9 - 03/10	Tuần 3
		- Đồ dùng đồ chơi của lớp	6/10 - 10/10	Tuần 4
2	Bản thân (4 tuần)	- Ngày vui của bà, của mẹ	13/10 - 17/10	Tuần 5
		- Bé tự giới thiệu về mình	20/10 - 24/10	Tuần 6
		- Năm giác quan	27/10 - 31/10	Tuần 7
		- Bé ăn gì để lớn lên và khỏe mạnh	3/11 - 7/11	Tuần 8
3	Gia đình thân yêu của bé (4 tuần)	- Gia đình thân yêu.	10/11 - 14/11	Tuần 9
		- Ngày hội của cô giáo (20/11)	17/11 - 21/11	Tuần 10
		- Đồ dùng của gia đình bé	24/11 - 28/11	Tuần 11
		-Nhu cầu của gia đình bé	01/12 - 5/12	Tuần 12
4	Những nghề bé thích (4 tuần)	- Bác nông dân	08/12 - 12/12	Tuần 13
		- Cháu yêu cô chú bộ đội	15/12 - 19/12	Tuần 14
		- Nghề xây dựng	22/12 - 26/12	Tuần 15
		- Nghề dịch vụ	29/12 - 02/1	Tuần 16
5	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân	- Cây xanh và môi trường sống	05/1 – 9/1	Tuần 17
		- Những bông hoa đẹp	12/1 – 16/1	Tuần 18
		-Chùm quả ngọt	19/1 – 23/1	Tuần 19

	(6 tuần)	-Một số loại rau củ	26/1 – 30/1	Tuần 20
		-Bé vui đón tết nguyên đán	2/2 - 6/2	Tuần 21
		<i>Tổ chức các HĐ lễ hội mừng xuân và Nghỉ tết nguyên đán</i>	<i>9/2- 20/2</i>	
		-Mùa xuân đến rồi	23/2- 27/2	Tuần 22
7	Thế giới động vật (5 tuần)	-Ngày vui 8/3	2/3 – 6/3	Tuần 23
		-Động vật nuôi trong gia đình.	9/3- 13/3	Tuần 24
		- Một số động vật sống trong rừng	16/3 – 20/3	Tuần 25
		- Động vật sống dưới nước	23/3 – 27/3	Tuần 26
		- Côn trùng - chim	30/3 – 3/4	Tuần 27
8	Bé đi đường an toàn (3 tuần)	- Phương tiện và qui định giao thông đường bộ.	6/4 – 10/4	Tuần 28
		- Phương tiện giao thông đường thủy .	13/4 – 17/4	Tuần 29
		- Phương tiện giao thông đường không, đường sắt	20/4 – 24/4	Tuần 30
9	Nước và các hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	- Một số hiện tượng tự nhiên	27/4 - 1/5	Tuần 31
		- Mùa hè đến rồi	4/5 – 8/5	Tuần 32
		-Sự diệu kỳ của nước	11/5 – 15/5	Tuần 33
10	Quê hương - Đất nước – Bác hồ (2 tuần)	- Đất nước Việt Nam và Bác Hồ kính yêu Quê hương em	18/5 – 22/5	Tuần 34
		- Quê hương em	25/5 – 29/5	Tuần 35
		Tổng 35 tuần		

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ ĐỘ TUỔI: 4 – 5 TUỔI.

Kèm theo Kế hoạch số 88 /KH-TrMN ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Trường Mầm non Diễm Xuân.

A. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG TRẺ

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với trẻ - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ MG gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả	CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng VS trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung;		
--	---	--	--

	- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (150 phút). - Gói, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gói - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gói, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - NV nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn	Giáo viên và bảo vệ	

	cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm <i>b. Vệ sinh cá nhân trẻ</i> - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ đánh răng. Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. Chú ý các ký hiệu bàn chải của trẻ và nơi để bàn chải đánh răng cho trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, an toàn. - Quần áo, dày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. <i>c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp</i> <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chắc chắn đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng.		
--	---	--	--

	- Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy VS đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm	<i>a. Chăm sóc sức khỏe</i> <i>* Kiểm tra sức khỏe định kỳ:</i> - Trong năm học, nhà trường kết hợp Trạm y tế và		

sóc sức khỏe và an toàn	Bệnh viện đa khoa khám sức khỏe ban đầu, khám đa khoa cho trẻ 01 lần/ năm học Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi kiểm tra sức khỏe. <i>* Theo dõi, đánh giá sự phát triển cân nặng và chiều cao của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2025 và tháng 3/2026); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2025 và tháng 3/2026) - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp PH chăm sóc trẻ <i>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i> - Phối hợp với trạm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. <i>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</i> - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%) + Thuốc hạ sốt; OERSOL; Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính,	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	
---------------------------------------	--	--	--

	dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. <i>d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp</i> - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống bệnh tay chân miệng và bệnh thủy đậu... - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
5. Chăm sóc trẻ khuyết tật (nếu có)	- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm hồ sơ cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thể trẻ. - Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ + Sự phát triển về thể chất; + Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp; + Khả năng nhận thức; + Quan hệ xã hội + Môi trường phát triển của trẻ - Xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.	CBQL, giáo viên, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương và cộng đồng	

**B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ
ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 4 – 5 TUỔI**

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
*GD dinh dưỡng và sức khỏe	
1.Trẻ khỏe mạnh cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. <i>Cân nặng:</i> +Trẻ trai ; 14,1 – 24,2 kg +Trẻ gái : 13,7 – 24,9kg <i>Chiều cao :</i> +Trẻ trai : 100,7 – 119,2cm +Trẻ gái : 99,9 – 118,9 cm	+ Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng + Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ + Cân đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng và phát triển. Phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì + Khám sức khỏe định kỳ. -GDKNS: Cách sử lý khi ho (Montestori)
2. Trẻ biết một số món ăn, dạng chế biến đơn giản và thực phẩm cùng nhóm.	- Nói được tên một số món ăn hằng ngày và làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn thức uống: Rau có thể luộc, nấu canh thịt có thể luộc, rán kho, gạo nấu cơm, nấu cháo. - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). +HD trải nghiệm: Bữa cơm gia đình, tiệc bufê
3.Biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) + Dạy trẻ phân biệt 4 nhóm thực phẩm
4.Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	-Tự xúc cơm ăn +HD trải nghiệm: Bữa cơm gia đình, tiệc buffe -Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt đánh răng; Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn. Tập đánh răng, lau mặt -Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng -Đi vệ sinh đúng nơi quy định GDKNS : +Áp dụng chương trình Montestori : Cách cầm thìa ; Xúc hạt bằng thìa + Kỹ năng mặc quần áo, +Kỹ năng mặc áo khoác + Kỹ năng đánh răng đúng cách.
5.Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	-Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học -Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt -Đi vệ sinh đúng nơi quy định -Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp. - GDKNS (Trải nghiệm): +Kỹ năng phân loại rác,

	+Kỹ năng đeo khẩu trang, +Kỹ năng phòng chống dịch bệnh... + Cách xử lý khi bị chảy máu cam
6. Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Không đến gần bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... - Không nghịch dao, kéo.. - GDKNS: +Tránh xa những vật dụng nguy hiểm +Cách thoát hiểm khi cháy
7.Trẻ biết nhận ra những nơi như: Hồ, ao ruộng nước ...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần	-Không được chơi gần hồ, ao ruộng, bể nước, giếng... - GDKNS: Tránh xa những nơi nguy hiểm: ao, hồ, bể nước, giếng.
8. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	-Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt -Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn -Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
9. Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. - GDKNS: + Phòng tránh bắt cóc. + Dạy trẻ đọc thuộc số điện thoại của gia đình + Kỹ năng an toàn khi ở nhà một mình
*Phát triển vận động	
10.Trẻ thực hiện được đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
11. Trẻ biết kiểm soát và giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.

	+ Đi bước lùi 3m + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 - 80m. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặc (đổi hướng) theo vật chuẩn
12.Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động: Tung, ném, bắt, bò, trườn, trèo. bật - nhảy.	- Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m + Bò đích đặc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m.
13.Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Bò qua đường đích đặc và chui qua cổng - Bật xa, ném trúng đích ngang - Ném xa, chạy liên tục theo hướng thẳng (15 m)
14.Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn- xoay tròn cổ tay cổ tay - Gập, mở các ngón tay	- Vo, xoáy, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập giấy - Lắp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình
15.Trẻ phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động.	- Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc giây giày - GDKNS: + Kỹ năng tự mặc áo khoác + Kỹ năng gập áo quần + Kỹ năng cài cúc áo + Kỹ năng thắt dây giày

	+ Kỹ năng kéo xéc mơ tuya. + Cách sử dụng kéo + Cách sử dụng thìa
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
* Khám phá khoa học	
16. Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp sờ, ngửi, nếm ... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm, chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể: + Các giác quan kỳ diệu + Cái miệng xinh + Cơ thể bé và các bạn
17. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ Đôi bàn tay xinh + Đôi chân thật đáng yêu + Khuôn mặt đáng yêu - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Một số đồ dùng của lớp + Phân loại một số đồ dùng, đồ chơi của lớp. + Một số đồ dùng trong gia đình + Phân loại một số đồ dùng trong gia đình + Một số phương tiện và qui định giao thông đường bộ + Một số phương tiện giao thông đường thủy, + Một số phương tiện giao thông hàng không HD steam: + Khám phá về giấy + Khám phá màu sắc GDKNS: + Bé đi đường an toàn - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người + Con vật nuôi trong gia đình + Con vật sống trong rừng + Con vật sống dưới nước + Côn trùng, chim + Một số loại rau, củ + Một số loại hoa (Những bông hoa đẹp) + Một số loại quả (Bé thích ăn quả) + Quả chanh kỳ diệu + Khám phá lá cây - Phân loại cây, hoa, quả, con vật, một số PTGT theo 1 - 2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật,

	cây, hoa, quả + Con vật hai chân, con vật 4 chân + Con vật đẻ con, con vật đẻ trứng + Con vật hiền lành, con vật hung dữ + Rau ăn lá; Rau ăn củ, Rau ăn quả + Hoa nhiều cánh, hoa ít cánh + Quả nhiều hạt, quả ít hạt + Quả tròn, quả dài + Quả chua, quả ngọt - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối. HD Steam: + Sự nảy mầm của hạt + Vòng đời của chú ếch.
18.Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. Thí nghiệm; Trải nghiệm: chơi với cát; nước; đất; đá; sỏi...(Pha nước chanh, Pha nước cam, Pha nước muối, nước đường, vật chìm – vật nổi, Tan – không tan, nước đổi màu, nước bốc hơi.....) HD steam: +Quả chanh kỳ diệu +Khám phá màu sắc +Khám phá quả trứng +Khám phá về giấy +Khám phá về lá cây
19.Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo và trò chuyện về đối tượng.	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện - Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...
20. Trẻ biết nhận xét được một số mối liên hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Nhận xét được một số mối liên hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ cho thêm đường/ muối nên nước ngọt, mặn hơn. + Trải nghiệm: pha màu, pha nước chanh, pha nước đường, tan và không tan... - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Mùa hè đến + Mùa xuân của bé - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.

	+ Một số hiện tượng tự nhiên: Nắng; mưa, gió; bão;..... - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Các nguồn nước trong môi trường sống. ích lợi của nước đối với đời sống con người cây cối con vật. + Các nguồn nước + Sự bốc hơi của nước + Trải nghiệm: Dòng chảy của nước, đóng nước...
21. Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
22.Trẻ biết thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng - Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau. - Có những cử chỉ điệu bộ, vận động minh họa / múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô....
* Khám phá xã hội	
23.Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Bé và các bạn - Bạn trai, bạn gái - Bé tự giới thiệu về mình
24.Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Những người thân yêu trong gia đình - Nhu cầu của gia đình
25.Nói địa chỉ của gia đình mình; địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (Thôn/xóm – Xã) -Tên, địa chỉ của trường lớp + Gia đình thân yêu của bé + Trường mầm non Diễn Xuân + Lớp mẫu giáo nhỡ (A,B,C,D) thân yêu -GDKNS: Nhắc trẻ nhớ số điện thoại của bố(mẹ) địa chỉ gia đình.
26.Trẻ nói tên, một vài đặc điểm của các bạn trong lớp; tên một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. +Cô giáo và các bạn + Công việc của cô giáo và các cô cấp dưỡng ở trường mầm non
27.Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Nghề sản xuất nông nghiệp (Bé tập làm vườn) + Nghề xây dựng

	+ Nghề thợ mộc + Nghề dịch vụ + Bác sỹ HD trải nghiệm: - Bé tập làm vườn - Thăm quan cánh đồng lúa (rau...) quê em - Thăm quan xưởng mộc - Bé tập làm cô bán hàng - Spa của bé - Bé tập làm bác sỹ - Thăm quan trải nghiệm trạm y tế xã - Thăm quan trải nghiệm doanh trại bộ đội
28.Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	Lễ hội: Ngày Quốc khánh 2/9, Ngày khai giảng, Tết Trung thu, lễ hội đèn công, tết nguyên đán... + Ngày hội đến trường của bé; + Vui hội trung thu + Bé khám phá bánh trung thu + Ngày vui 20/20 + Ngày vui của cô giáo 20/11 + Ngày vui của cô chú bộ đội 22/12 + Ngày tết quê hương + Bé vui đón tết Nguyên đán + Bé gói bánh tết + Trang trí cây đào tết + Ngày vui 8/3 + Mừng sinh nhật Bác Hồ HDNCK: Ngày khai giảng năm học mới, tổ chức rước đèn trung thu, Ngày hội thể thao của bé, tham quan trải nghiệm doanh trại bộ đội; Lễ hội mừng xuân; làm thiệp 20/10; 8/3.
29.Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	Di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh: Đèn công, cửa hiền, hồ xuân dương, lèn hai vai, Sông bùng, chùa cổ am, biển diễn thành. Đèn thờ Nguyễn Trung Minh – Xóm Nam Xuân... HDNCK: Tham quan tháp hương nghĩa trang liệt sỹ
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
30.Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...
31.Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 + Dạy trẻ nhận biết. Đếm đúng các nhóm có 3 đối tượng. Nhận biết chữ số 3 + Dạy trẻ nhận biết, đếm đúng các nhóm có 4 đối tượng. Nhận biết chữ số 4. + Dạy trẻ nhận biết, đếm đúng các nhóm có 5 đối

	tượng. Nhận biết chữ số 5.
32.Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. +Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. + So sánh 1 – 2. Nhận biết chữ số 2 + Dạy trẻ so sánh thêm bớt để tạo sự bằng nhau trong phạm vi 3. Nhận biết chữ số 3. + Dạy trẻ so sánh thêm bớt để tạo sự bằng nhau trong phạm vi 4. Nhận biết chữ số 4. + Dạy trẻ so sánh thêm bớt để tạo sự bằng nhau trong phạm vi 5. Nhận biết chữ số 5.
33. Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả; Biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn và đếm.
34.Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết các số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe, số điện thoại, ..). + GDKNS: Nhắc trẻ nhớ số điện thoại của bố (mẹ) + Montetori: Đồng hồ số.
35. Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Dạy trẻ so sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc 1:1. + Dạy trẻ so sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc 1:2. +Montetori: Bài sắp xếp theo thứ tự
36.Sử dụng được 1 dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích bằng một đơn vị đo
37.Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...).	- So sánh sự giống và khác nhau của các hình: tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,.... + So sánh sự giống và khác nhau của hình tròn và hình tam giác + So sánh sự giống và khác nhau của hình vuông và hình chữ nhật Motetsory: Các bài hình học cơ bản
38.Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu
39. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái). + Xác định vị trí phía trước - phía sau; phía trên - phía

	dưới của đồ vật so với bản thân. + Xác định vị trí phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới của đồ vật so với bạn khác. + Xác định vị trí phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới của đồ vật so với một vật nào đó làm chuẩn. + Xác định vị trí phía phải - phía trái của đồ vật so với bản thân. + Xác định vị trí phía phải - phía trái của đồ vật so với bạn khác. + Xác định vị trí phía phải - phía trái của đồ vật so với một vật nào đó làm chuẩn.
40. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
41. Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.
42. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
43. Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. *Chủ đề: Trường mầm non: - Món quà cô giáo (Sưu tầm) - Người bạn tốt (Sưu tầm) - Thỏ con đi học (Sưu tầm) * Chủ đề: Bản thân: - Cây táo thần (Phỏng theo truyện cổ tích) - Gấu con bị đau răng (Phỏng theo lời dịch của Tạ Thị Liên) - Cậu bé mũi dài (Sưu tầm) - Củ cải trắng (Sưu tầm) *Chủ đề: Gia đình bé yêu: - Cây khế. (Chuyển thể từ tập truyện MG nhớ) - Tích Chu. (Chuyển thể từ chuyện cổ tích) - Cả nhà đều làm việc (Hạ Huyền) - Đàn ngỗng trời (Sưu tầm) *Chủ đề: Những nghề bé yêu - Người làm vườn và các con trai (Lép tôn xít tôi) - Thần sắt. (Theo truyện cổ dân tộc Thái) - Cô Bác sỹ tỳ hon (Thu Hằng) *Chủ đề: Thế giới động vật: - Chú dê đen (Sưu tầm) - Gấu con ngủ đông (Sưu tầm) - Quả trứng của ai (Sưu tầm) - Ngựa Đỏ và Lạc Đà (Cao Thuỳ Dương)

	- Dê con nhanh trí (Sưu tầm) - Cáo, thỏ và gà trống. (Tác giả: Thu Thủy) * Chủ đề: Thế giới thực vật - Cây tre trăm đốt (Sưu tầm) - Sự tích hoa hồng (Sưu tầm) - Mèo con và quyển sách (Sưu tầm) - Cây rau thỏ út (Sưu tầm) - Củ cải trắng. (Sưu tầm) - Chú đỗ con. (Tác giả: Viết Linh) - Cây táo thần. (Theo truyện cổ tích) - Chuyện trong vườn (Tác giả: Thành Tuấn) * Chủ đề: Tết và mùa xuân - Thỏ con và mùa xuân - Sự tích bánh chưng bánh giầy (Sự tích) * Chủ đề: Bé đi đường an toàn: - Qua đường (Sưu tầm) - Kiến thi an toàn giao thông (Sưu tầm) - Kiến con đi xe ô tô. (Phạm Thị Mai Chì sưu tầm) - Một chuyến tham quan (Phạm Ngọc Cài: Nam Định) * Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên: - Câu chuyện mùa xuân. (Phỏng dịch từ truyện nước ngoài) - Nàng tiên bóng đêm (Sưu tầm) - Giọt nước tí xíu (Sưu tầm) - Đám mây xấu xí (Sưu tầm) - Chú bé giọt nước (Sưu tầm) - Hồ nước và mây. (Sưu tầm) - Cóc kiện trời (Sưu tầm) - Cô mây * Chủ đề: Quê hương – Đất nước – Bác Hồ - Quả táo Bác Hồ. (Phỏng theo chuyện Quả táo của Bác Hồ). - Niềm vui bất ngờ (Sưu tầm) - Ai ngoan sẽ được thưởng (Sưu tầm)
44. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép...
45. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.
46. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?
	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép...
	HD trò chuyện sáng (Unit): Trò chuyện sáng về các chủ đề, ngày hội, ngày lễ,... trong năm học.
47. Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự. Kể chuyện có mở đầu,	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Kể lại truyện đã được nghe.

kết thúc.	
48. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	-Nghe và Đọc bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với lứa tuổi. * Chủ đề: Trường mầm non: + Trăng sáng (Tác giả: Trần Đăng Khoa) + Tình bạn (Tác giả: Trần Thị Hương) + Chơi bán hàng (Tác giả: Nguyễn Văn Thắng) + Lên bốn tuổi (Sưu tầm) * Chủ đề: Bản thân: - Đôi mắt (Tác giả: Lê Thị Mỹ Phương) - Lời chào (Tác giả: Phạm Cúc) - Cô dạy (Tác giả: Phạm Hồ) - Bé ơi (Tác giả: Phong Thu) - Đau (Sưu tầm) - Ho (Sưu tầm) - Cảm ơn (Sưu tầm) - Xin lỗi (Sưu tầm) *Chủ đề: Gia đình bé yêu: - Em yêu nhà em. (Tác giả: Đoàn Thị Lam Luyến) - Thăm nhà bà. (Tác giả: Như Dao) - Mẹ và cô (Tác giả: Trần Quốc Toàn) - Lời chào. (Tác giả: Phạm Cúc) - Mèo đi câu cá (Sưu tầm) - Mẹ ôm (Sưu tầm) - Lời chào (Sưu tầm) * Chủ đề: Những nghề bé yêu - Cái bát xinh xinh (Sưu tầm) - Lúa mới (Sưu tầm) - Đi bừa (Tác giả: Hoàng Dân) - Làm bác sỹ (Tác giả: Lê Ngân) - Bé làm bao nhiêu nghề. (Tác giả: Yên Thao) - Chú giải phóng quân (Cẩm Thơ) - Các cô thợ (Tác giả: Thy Ngọc) * Chủ đề: Thế giới động vật: - Mèo con (Tác giả: Phùng Phương Quý) - Bếp ăn của các con vật. (Trần Ngọc Trâm sưu tầm) - Em vẽ.(Tác giả: Hoàng Thanh Hà) - Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy Thế) - Gà nở (Phạm Hồ) - Chim chích bông. (Tác giả: Nguyễn Viết Bình) - Chú cua càng (Thanh Thảo) - Chuồn chuồn (Sưu tầm) - Rong và cá (Sưu tầm) - Bé và mèo hoang (Sưu tầm) - Hồ trong vườn thú (Sưu tầm) - Kể cho bé nghe (Sưu tầm)

	- Chú gà con (Sưu tầm) - Mèo con (Sưu tầm) * Chủ đề: Thế giới thực vật - Hoa kết trái (Trích: Thu Hà) - Bác bầu bác bí. (Trường MN Ngọc Lan II) - Hoa mào gà(Tác giả: Thanh Hào) - Vè trái cây (Tác giả: Nguyễn Thị Vui) - Hoa phượng (Tác giả: Lê Huy Hoà) - Hoa sen (Tác giả: Nguyễn Hoàng Sơn) - Hoa bướm (Sưu tầm) - Thị (Sưu tầm) * Chủ đề: Tết và mùa xuân -Tết đang vào nhà (Tác giả:Nguyễn Hồng Kiên) - Hoa đào (Tác giả: Thanh Hào) - Cây đào (Sưu tầm) - Mùa xuân * Chủ đề: Bé đi đường an toàn: - Không vứt rác ra đường (Tác giả: Phong Thu) - Ước mơ của tỳ (Sưu tầm) - Bé và mẹ (Sưu tầm) - Không vứt rác ra đường (Sưu tầm) - Chúng em chơi giao thông. (Tác giả: Ngô Tô Ngải) - Giúp bà. (Tác giả: Hoàng Thị Phảng) - Đường tàu lặn bánh (Tác giả: Tạ Hữu Yên) * Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên: - Trăng lưỡi liềm.(Tác giả: Nguyễn Hưng Hải) - Nước (Sưu tầm) - Ông mặt trời óng ánh (Sưu tầm) - Cầu vồng (Sưu tầm) - Trăng lưỡi liềm (Sưu tầm) - Bình minh trong vườn (Tác giả: Đỗ Ngọc Hương) - Mùa hè của em (Tác giả: Tuyết Hoa) - Mưa (Tác giả: Nguyễn Diệu) * Chủ đề : Quê hương - Đất nước - Bác Hồ - Bác thăm nhà cháu. (Tác giả: Thái Hòa) - Hoa quanh lăng Bác. (Tác giả: Nguyễn Bao) - Sáng tháng năm (Tác giả: Tô Hữu) - Cánh đồng lúa vàng (Tác giả: Phạm Văn Đệ) - Em vẽ Bác Hồ (Sưu tầm)
49. Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ, mô tả hành động của nhân vật trong truyện.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Đóng kịch
50.Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép

51.Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
52. Trẻ biết chọn sách để xem, cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	- Xem và đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu + Nhận dạng một số chữ cái: o,ô,ơ, a, ă, â, e, ê, u,ư + Tập tô, đồ các nét chữ: o,ô,ơ, a, ă, â, e, ê, u,ư - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách
53.Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	-“Đọc” truyện qua các tranh vẽ - Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.
54.Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ,...) + GDKNS : Dạy trẻ làm quen với 1 số ký hiệu thông thường.
55. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.. + GDKNS : + Dạy trẻ nhận biết chính xác ký hiệu của mình, của bạn trên các đồ dùng tại lớp.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
56.Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được, sở thích, khả năng của bản thân. + HD trò chuyện sáng (Unit) : Chủ đề bản thân
57.Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	Tự chọn các loại đồ chơi, trò chơi theo ý thích của mình. + Hoạt động chơi: Chơi ngoài trời, chơi theo ý thích, chơi ở các góc...
58.Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	Cố gắng hoàn thành công việc được giao như: trực nhật, dọn đồ chơi.
59. Nhận biết, biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. + Hoạt động hàng ngày. + HD trò chuyện sáng (Unit) : Trò chuyện sáng về các chủ đề, ngày hội, ngày lễ,... trong năm học.
60.Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Thể hiện tình	- Kính yêu Bác Hồ. + Trò chuyện sáng : Bác Hồ kính yêu của em

cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
61. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	Quan tâm đến di tích lịch sử địa phương: Đền thờ Nguyễn Trung Minh – Xóm Nam Xuân – xã Quảng Châu, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. -HDNCK: Tham quan tháp hương đền thờ họ Nguyễn Trung Minh – xóm Nam Xuân – xã Quảng Châu
62. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường; Không ra khỏi lớp học khi không được phép của cô giáo...). + Dạy trẻ kỹ năng sắp xếp đồ dùng đúng nơi quy định sau khi học, sau khi chơi, sau khi ngủ dậy... + Dạy trẻ thực hiện tốt các nội quy của lớp học.
63. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. +GDKNS: Kỹ năng chào hỏi +HD trò chuyện sáng (Unit): Trò chuyện sáng về các chủ đề, ngày hội, ngày lễ,... trong năm học.
64.Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt hợp tác - Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”. + Hoạt động chơi +HD trò chuyện sáng (Unit): Trò chuyện sáng về các chủ đề, ngày hội, ngày lễ,... trong năm học.
65. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã, chảy máu. - Bé phòng tránh đuối nước: Không chơi ở gần ao, hồ, sông, suối, giếng nước... - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết -Không đi theo nhận quà của người lạ. -GDKNS: +Phòng tránh bắt cóc. + Không nhận quà và không đi của người lạ + Kỹ năng phòng tránh đuối nước
66. Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).. + Nhắc trẻ thực hiện đúng lịch phân công trực nhật của lớp. + Hoạt động chơi ở các góc + Hoạt động chơi ngoài trời + Hoạt động trực nhật
67. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. Không bẻ cành,	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. + GDKNS: Cách tưới cây (Montestori)

bút hoa.	- Chơi ngoài trời: Thăm quan vườn rau, vườn hoa, nhổ cỏ vườn rau, vườn hoa, chăm sóc vườn rau, vườn hoa.....Thăm quan trang trại chăn nuôi, Thăm quan cánh đồng lúa...
68. Bỏ rác đúng nơi quy định. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước + GDKNS: Phân loại rác, Kỹ năng sử dụng điện nước tiết kiệm.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
69. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
70. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc;	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). * Chủ đề: Trường mầm non: + Cô giáo(Nhạc: Đỗ Mạnh Tường, Lời thơ: Nguyễn Hữu Tường) + Bàn tay cô giáo (Nhạc: Phạm Tuyên, Lời: Định Hải) + Cô giáo miền xuôi (Nhạc và lời: Mộng Lân) + Trường mẫu giáo yêu thương (Nhạc và lời: Hoàng Văn yển) + Chiếc đèn ông sao (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) * Chủ đề: Bản thân: + Đường và chân (Nhạc: Hoàng Long, Lời: Xuân Tửu) + Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Nhạc: Phạm Tuyên, Thơ: Lâm Thị Mỹ Dạ) + Sinh nhật hồng(Nhạc và lời: Lê Quốc Thắng) + Hãy lắng nghe (Nhạc và lời: Lê Đức - Thu Hiền) + Tay thơm tay ngoan (Nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu) + Thật đáng chê. (Theo điệu Bắc Kim Thang) * Chủ đề: Gia đình bé yêu: + Bà thương em(Nhạc và lời: Bùi Đình Thảo) + Bàn tay mẹ (Nhạc và lời: Bùi Đình Thảo) + Cả nhà thương nhau. (Tác giả: Phạm Văn Minh) + Bố là tất cả(Nhạc và lời: Thập Nhất.) + Chỉ có 1 trên đời. (Nhạc Trường Quang Lục, ý thơ: Liên Xô.) + Cho con (Nhạc và lời : Phạm Trọng Cầu) + Niềm vui gia đình . (Nhạc và lời: Hoàng Vân) .

+ Cô giáo miền xuôi. (Nhạc và lời : Mộng Lân.)
 + Ông cháu (Nhạc và lời: Phong Nhã)
 + Lòng Mẹ (Nhạc và Lời: Y Vân)
 + Mẹ yêu con(Nhạc và Lời: Nguyễn Văn Tý)
 + Huyền thoại mẹ (Nhạc Và Lời; Trịnh Công Sơn)
***Chủ đề: Những nghề bé thích**
 + Đi cấy. (Dân ca Thanh Hóa)
 + Màu áo chú bộ đội (Nhạc và lời: Nguyễn Văn Tý)
 + Anh phi công ơi. (Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh)
 + Xe chỉ luân kim(Dân ca Quan Họ Bắc Ninh)
 + Ngày mùa(Tác giả: Văn Cao)
 + Hạt gạo làng ta. (Nhạc: Trần Viết Bình, Thơ: Trần Đăng Khoa)
 + Cháu yêu cô thợ dệt (Nhạc và lời: Thu Hiền)
 + Thật đáng chê (Nhạc và lời: Theo điệu Bắc Kim Thang, Nhạc: Anh)
*** Chủ đề: Thế giới động vật:**
 + Gà gáy. (Nhạc: Hoàng Văn Yến, Thơ: Phạm Hồ)
 + Tôm cá cua thi tài. (Tác giả: Hoàng Thị Định)
 + Lý con sáo gò công. (Dân ca Nam Bộ)
 + Gà gáy le te.(Dân ca Cống Khao)
 + Chị ong nâu và em bé (Nhạc và lời: Tân Huyền)
 + Lý con sáo.(Dân ca Nam Bộ)
 + Chim bay.(Theo điệu Lý thương nhau) + Bông hoa mừng cô(Nhạc và lời: Trần Thị Duyên)
***Chủ đề: Thế giới thực vật**
 + Lý hoài nam (Dân ca Quảng Trị Thừa Thiên
 + Hoa thơm bướm lượn (Dân ca Quan Họ Bắc Ninh)
 + Thật là hay (Theo điệu Bắc Kim Thang)
 + Lý cây bông. (Dân ca Nam Bộ)
 + Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh)
 + Em đi trồng cây (Nhạc và lời: Trần Chính)
***Chủ đề: Tết và mùa xuân**
 +Mùa xuân ơi (Nhạc và lời:Nguyễn Ngọc Thiện)
 + Ngày tết quên em
 + Tết ơi là tết
 + Ngày xuân long phụng sum vầy
*** Chủ đề: Bé đi đường an toàn::**
 + Anh Phi công ơi.(Nhạc: Xuân Giao, Thơ: Xuân Quỳnh)
 + Bác đưa thư vui tính (Nhạc và lời: Hoàng Lân)
 + Ngồi tựa mạn thuyền. (Dân ca quan họ BN)
 + Lý con sáo.(Dân ca Nam Bộ)
***Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên:**
 + Bé và trăng (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn)

	+ Ánh trăng hòa bình. (Nhạc Hồ Bắc, Lời Mộng Lân) + Mùa xuân đến rồi.(Nhạc và lời:Phạm Thị Sửu) + Thật đáng chê .(Theo điệu Bắc Kim Thang)Lời Việt Anh . + Bèo dạt mây trôi (Dân ca quan họ Bắc Ninh) *Chủ đề: Quê hương – đất nước – Bác Hồ + Quê hương (Nhạc: Giáp Văn Thạch Lời Thơ: Đỗ Trung Quân). + Quê em (Nhạc và lời; Nguyễn Đức Toàn) + Ánh trăng hòa bình.(Nhạc Hồ Bắc, Lời Mộng Lân.) + Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng. (Nhạc và lời: Phong Nhã) + Bác Hồ người cho em tất cả . (Nhạc: Hoàng Lân, Thơ: Phong Thu) +Em đi trong tuổi xanh. (Nhạc và lời:Vũ Thanh) + Trái đất này là của chúng mình (Nhạc: Trương Quang Lục, Lời thơ: Định Hải)
71. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình	- Sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi ngắm nhìn, chỉ, sờ... tác phẩm tạo hình
72. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.
73. Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bài hát. * Chủ đề: Trường mầm non: + Trường chúng cháu là trường mầm non (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) + Vui đến trường (Nhạc và lời: Hồ Bắc) + Chào hỏi khi về (Nhạc: Hàn Quốc, Nhạc JANG YOUNG SOOG) + Đu quay (Nhạc và lời: Mộng Lân) + Múa vui (Nhạc và lời: Lưu Hữu Phước) + Rước đèn dưới trăng (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) + Đêm trung thu (Nhạc và lời: Phùng Như Thạch) Trò chơi: + Bao nhiêu bạn hát + Ai đoán giỏi + Nghe tiếng hát tìm đồ vật + Tai ai tinh * Chủ đề: Bản thân: + Bạn ở đâu (Nhạc: Pháp, Lời: Lê Đức -Thu Hiền) + Cả tuần đều ngoan (Nhạc và lời: Phạm Tuyên)

- + Cái mũi (Nhạc: Pháp, Lời: Lê Đức -Thu Hiền)
- + Cùng đi đều (Nhạc và lời: Kim Hữu)
- + Tập đếm (Nhạc và lời : Hoàng Sứ)
- + Tìm bạn thân (Nhạc và lời: Việt Anh)
- + Mừng sinh nhật (Nhạc : Anh, Lời: Đào Ngọc Dung)
- + Tôi bị ốm (Nhạc : Anh, Lời: Phan Hương)

Trò chơi:

- + Bao nhiêu bạn hát
- + Ai đoán giỏi

Chủ đề: Gia đình bé yêu:

- + Cháu yêu bà. (Nhạc và lời: Xuân Giao)
- + Cô và mẹ. (Nhạc và lời : Phạm Tuyên)
- + Chào hỏi.(Nhạc và lời: Trần Hoàng Yến)
- + Con chim vành khuyên (Nhạc và lời: Hoàng Vân)
- + Cô giáo. (Nhạc: Đỗ Mạnh Thường, Thơ: Nguyễn Hữu Tưởng)
- + Mẹ đi vắng. (Nhạc Trịnh Công Sơn, Lời Nguyễn Quang Dũng)
- + Nhà của tôi. (Nhạc và lời: Thu Hiền)
- + Cả nhà thương nhau. (Tác giả: Phạm Văn Minh)

Trò chơi:

- + Giọng hát to, giọng hát nhỏ
- + Ai nhanh nhất
- + Giai điệu thời trang

Chủ đề: Những nghề bé yêu

- + Chú bộ đội. (Nhạc và lời: Hoàng Hà)
- + Chú bộ đội đi xa .Nhạc và lời: Hoàng Vân
- + Tôi bị ốm: (Nhạc: Anh, Lời: Phan Hương)
- + Lớn lên cháu lái máy cày. (Nhạc và lời: Kim Hữu)
- + Cháu yêu cô chú công nhân . (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)
- + Em tập lái ô tô (Nhạc và lời: Nguyễn Văn Tý)
- + Cháu thương chú bộ đội. (Nhạc và lời : Hoàng Văn Yến)
- + Bác đưa thư vui tính (Nhạc và lời: Hoàng Lân)

Trò chơi:

- + Nghe nốt đô thỏ đổi chuông
- + Ai nhanh nhất

Chủ đề: Thế giới động vật.

- + Cá vàng bơi. (Nhạc và lời: Nguyễn Hà Hải)
- + Đố bạn . (Nhạc và lời : Hồng Ngọc)
- + Thật là hay: (Nhạc và lời: Hoàng Lân)
- + Vì sao mèo rửa mặt. (Nhạc và lời: Hoàng Long)

- + Một con vịt. (Nhạc và lời: Kim Duyên)
- + Thương con mèo. (Nhạc và lời: Huy Du)
- + Con chuồn chuồn (Nhạc và lời: Vũ Đình Lê)
- + Vì sao chim hay hát. (Nhạc và lời: Hà Hải)
- + Ngày vui 8/3 (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)

Trò chơi:

- + Nghe nốt đô thổ đôi chuông
- + Ai nhanh nhất
- + Âm thanh to – nhỏ

***Chủ đề: Thế giới thực vật**

- + Quả. (Nhạc và lời Xanh Xanh)
- + Hoa trường em (Nhạc và lời: Dương Hưng Bang)
- + Quả thị. (Nhạc và lời: Lê Minh Châu)
- + Em yêu cây xanh. (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)
- + Ngày vui 8/3 (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)
- + Lá xanh. (Nhạc và lời: Thái Cơ)

- Trò chơi:

- + Nghe nốt đô thổ đôi chuông
- + Ai nhanh nhất
- + Âm thanh to – nhỏ

***Chủ đề: Tết và mùa xuân**

- + Cùng múa hát mừng xuân (Nhạc và lời: Hoàng Hà)
- + Sắp đến tết rồi (Nhạc và lời: Hoàng Vân)
- + Mùa xuân đến rồi (Nhạc và lời: Phạm Thị Sửu)
- + Mùa xuân của em
- + Tưới vườn (Nhạc và lời Xanh Xanh)

-Trò chơi:

- + Nghe nốt đô thổ đôi chuông
- + Ai nhanh nhất
- + Âm thanh to – nhỏ
- + Hãy bắt chước giống cô
- + Nghe tiếng hát tìm đồ vật
- + Tai ai tinh

***Chủ đề: Bé đi đường an toàn:**

- + Đèn đỏ đèn xanh. (Nhạc Vĩnh Lương, ý thơ Thế Hội)
- + Đi đường em nhớ. (Nhạc và lời Nguyễn Thị Thanh)
- + Lái máy bay. (Nhạc và lời Xuân Giao)
- + Nhớ lời cô dặn (Nhạc và lời: Hồng Ngọc)
- + Đường em đi (Nhạc và lời: Ngô Quốc Tính)
- + Em đi qua ngã tư đường phố (Nhạc và lời: Hoàng Văn Yến)

- Trò chơi âm nhạc:

- + Bao nhiêu bạn hát

	+ Nghe tiếng hát tìm đồ vật + Đoàn tàu chạy đúng nhạc Chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên: + Đếm sao. (Nhạc và lời: Văn Chung) +Cháu vẽ ông mặt trời (Nhạc và lời:Tân Huyền) + Trên cát (Nhạc Anh, Lời Việt: Phan Hương) + Nắng sớm. (Nhạc và lời: Hàn Ngọc Bích) + Mây và gió. (Nhạc và lời: Minh Quân) + Trời nắng trời mưa (Nhạc và lời: Đặng Nhật Mai) - Trò chơi âm nhạc: + Bao nhiêu bạn hát + Giọng hát to giọng hát nhỏ + Mưa to, mưa nhỏ Chủ đề: Quê hương – đất nước – Bác Hồ + Múa đàn. (Lời Việt Anh, Nhạc dân tộc Thái) + Em yêu thủ đô. (Nhạc và lời: Bảo Trọng) + Nhớ ơn Bác. (Nhạc và lời: Phan Huỳnh Điểu) Trò chơi âm nhạc: + Bao nhiêu bạn hát + Giọng hát to giọng hát nhỏ -Hoạt động thay thế: Tập (giao lưu, biểu diễn...) các bài dân vũ, nhảy erobic,... - Hoạt động tăng cường: PTTC: nhảy erobic
74. Trẻ biết nói lên ý tưởng và phối hợp các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình.	-Nói lên ý tưởng tạo hình của mình -Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu, phối hợp các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. -Steam: + Bé làm xe ô tô từ các nguyên vật liệu + Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ, tặng cô giáo + Làm bánh trung thu + Làm đèn trung thu + Làm chả nem + Tạo hình cây xanh + Tạo hình lá cây + Tạo hình con cá + Làm đồng hồ cát + Làm thiệp tặng mẹ + Làm chuông gió + Làm khung tranh + Làm đồng hồ cát + Làm bè, thuyền
75.Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Steam: + Vẽ theo ý thích
76. Trẻ biết xé, cắt theo đường	

thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	+ Vẽ theo đề tài + Vẽ theo mẫu + Vẽ bóng các con vật yêu thích
77. Trẻ biết làm lồm, dồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	+ Nặn theo ý thích (mẫu, đề tài) + Bẻ nặn những chiếc vòng tặng cô giáo.... + Làm đèn lồng trung thu bằng các nguyên vật liệu tái chế. + Làm thiệp tặng bà, tặng mẹ, tặng cô giáo...
78. Trẻ biết nhận xét các sản phẩm về đường nét, màu sắc, hình dáng. Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

Quảng Châu, ngày 04 tháng 9 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP



Ngô Thị Tuyết Thanh

Nguyễn Thị Hội